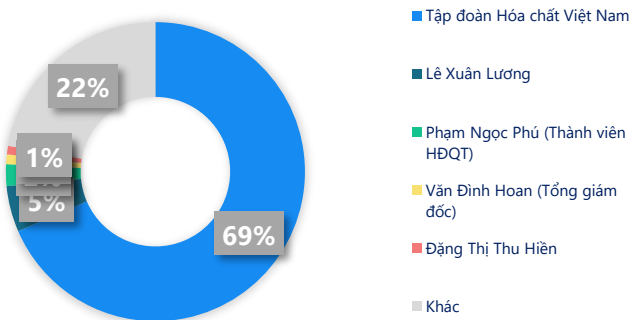


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

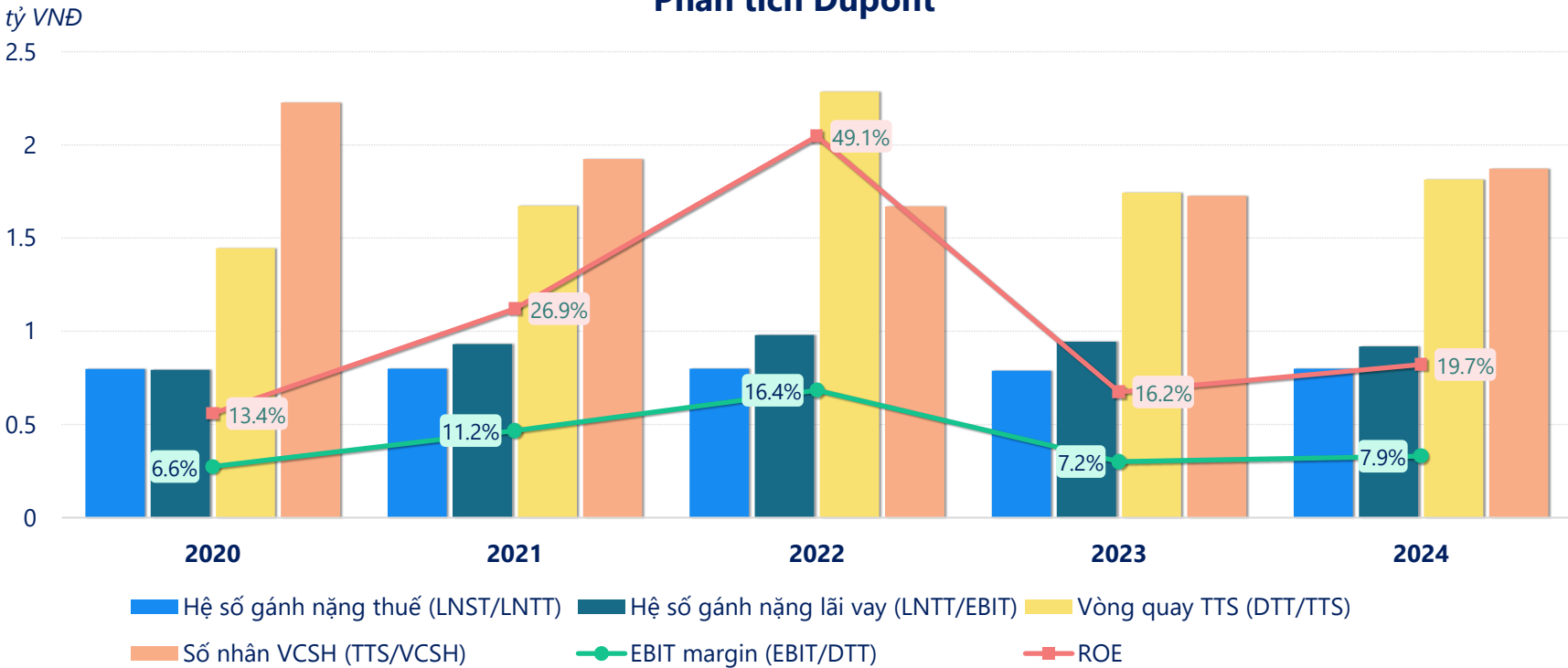
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		113,900
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		19,527 - 45,960
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,252
Số lượng CPLH (CP)		10,988,059
KLGD BQ 20 phiên (CP)		37,205
Sở hữu nước ngoài		1.4%
Beta		0.88
EPS		7,665
P/E		14.9

	YTD	1T	3T	6T
HVT		206.5%	231.1%	241.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2024

1,451

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 192| 15.3%

LN sau thuế

2024

84.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.5| 24.5%

ROE

2024

19.7%

+/- YoY: ▲ 3.5%

ROA

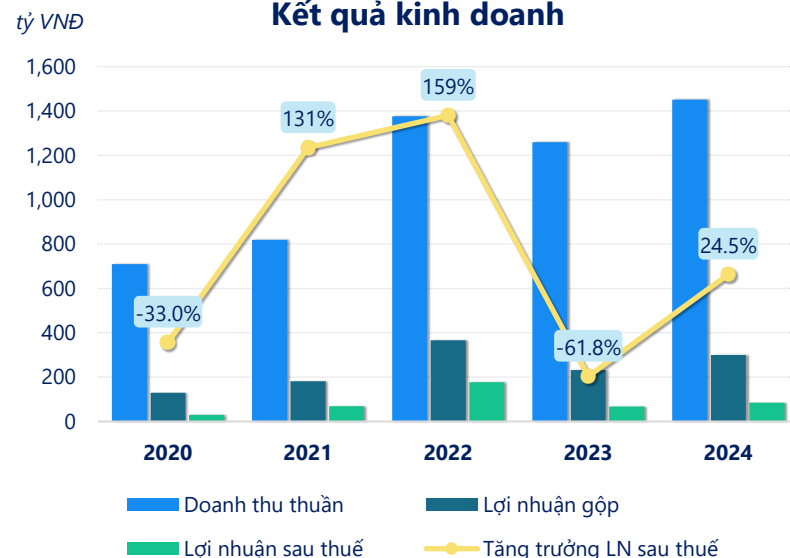
2024

10.5%

+/- YoY: ▲ 1.2%

CTCP Hóa chất Việt Trì (HNX: HVT)

Kết quả kinh doanh

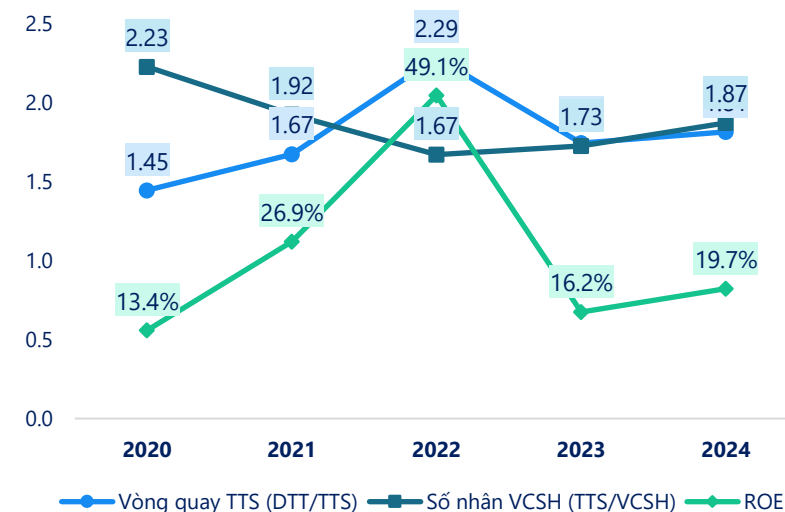


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **7.91%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.80**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.92**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

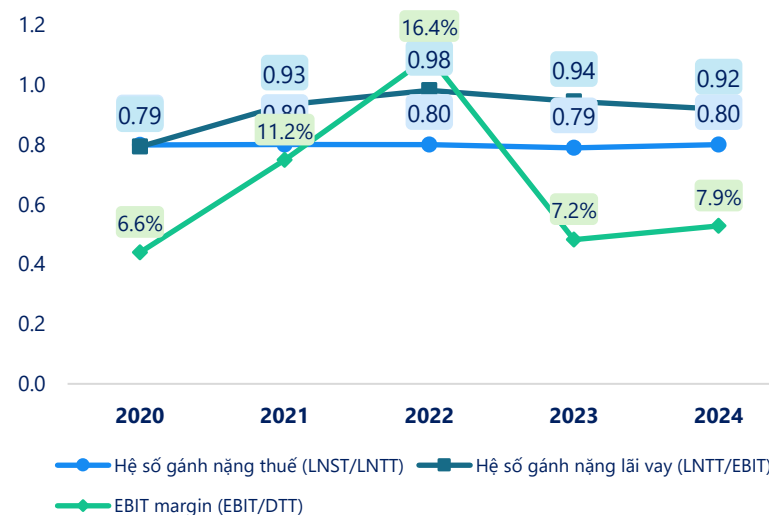
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **HVT** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 15.3%** đạt **1,451** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 24.5%** đạt **84.23** tỷ đồng.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **19.7%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

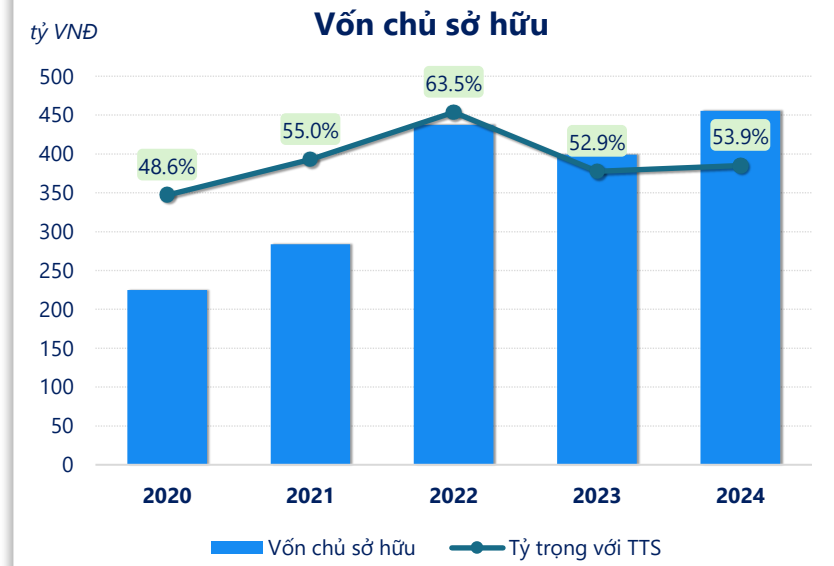
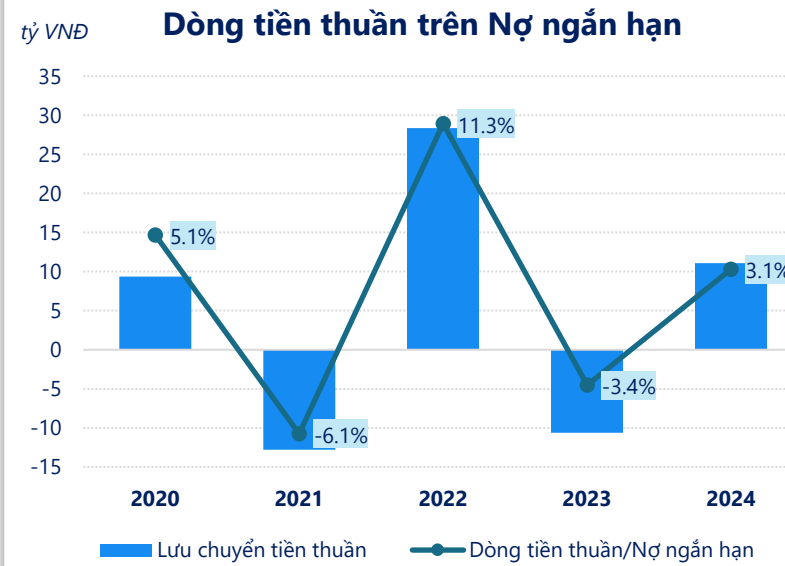
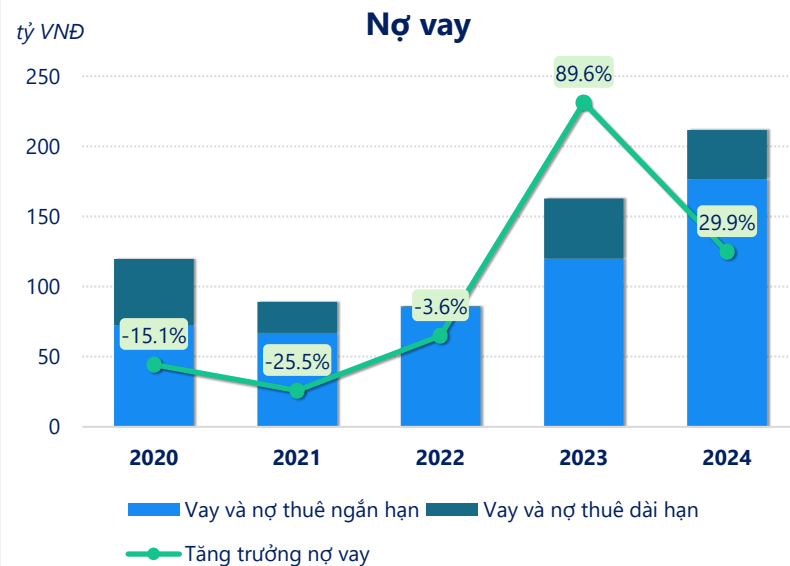
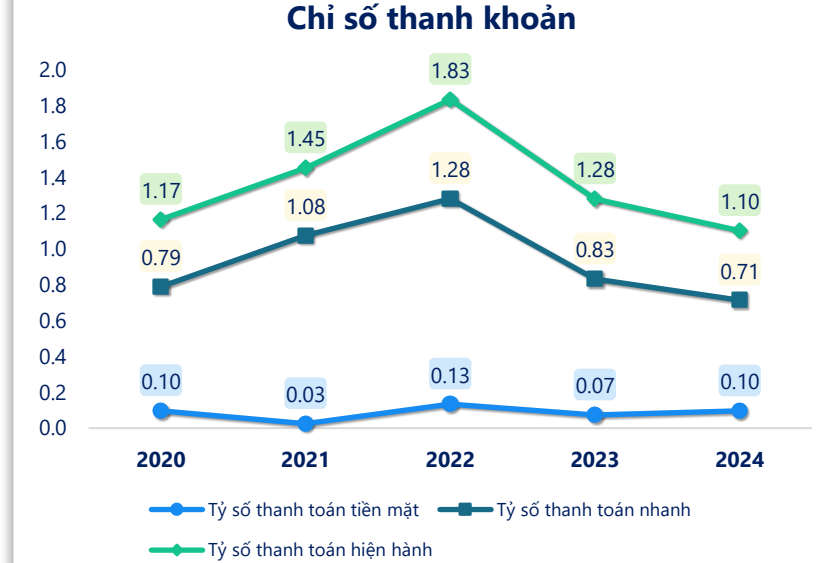
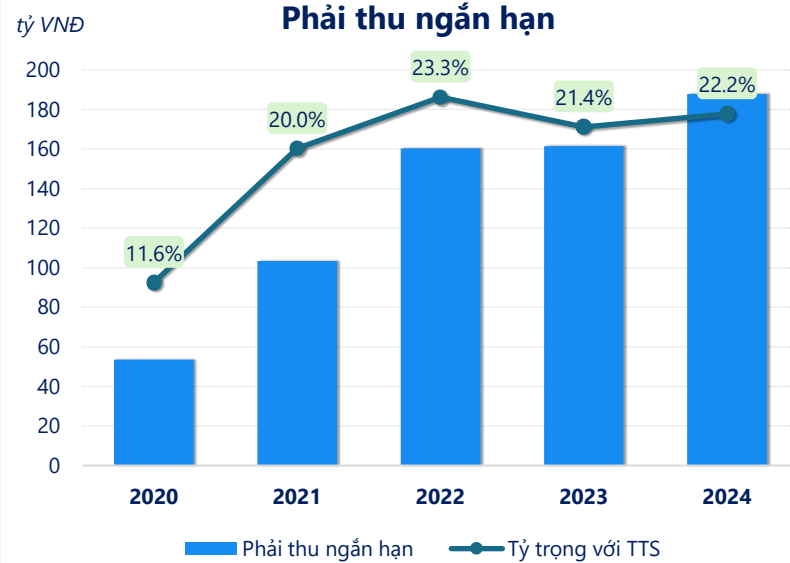
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **1.81**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.87** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	845	755	12.0%
Tài sản ngắn hạn	390	400	-2.4%
Tiền và tương đương tiền	34.1	23.0	48.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.5	52.5	-53.3%
Phải thu ngắn hạn	188	161	16.3%
Hàng tồn kho	137	140	-1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.72	23.4	-71.3%
Tài sản dài hạn	454	355	28.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	430	313	37.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.4	26.4	-45.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.99	14.8	-32.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	389	356	9.4%
Nợ ngắn hạn	354	313	13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	120	47.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	85.1	92.2	-7.7%
Nợ dài hạn	35.1	43.0	-18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.1	43.0	-18.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	456	399	14.2%
Vốn chủ sở hữu	456	399	14.2%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	709	819	1,376	1,259	1,451
Giá vốn hàng bán	581	637	1,011	1,027	1,152
Lợi nhuận gộp	129	181	365	231	300
Doanh thu HĐTC	4.90	4.30	7.42	9.68	2.74
Chi phí TC	15.7	13.8	17.7	17.4	22.0
Chi phí lãi vay	9.70	6.30	4.39	5.16	9.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	47.9	50.1	89.7	87.4	110
Chi phí QLDN	32.2	43.4	47.4	52.2	64.8
LN thuần từ HĐKD	37.8	78.3	218	84.0	106
Lợi nhuận khác	-0.81	7.24	3.41	1.78	-0.48
LN trước thuế	37.0	85.5	221	85.8	105
Lợi nhuận sau thuế	29.5	68.4	177	67.7	84.2
LNST của CĐ cty mẹ	29.5	68.4	177	67.7	84.2

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	150	87.5	99.1	180	225
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-103	-58.7	-51.0	-190	-230
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-37.8	-41.5	-19.7	0.05	15.7
Tiền đầu kỳ	8.68	18.0	5.25	33.6	23.0
Lưu chuyển tiền thuần	9.34	-12.8	28.4	-10.6	11.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.0	5.25	33.6	23.0	34.1